TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, nơi cư trú: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, nơi ĐKHKTT: Xóm 7, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, địa chỉ hiện tại: MIRETICKA 633/13.14200 PRAHA4. PISNICE, Cộng hòa Séc; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T trình bày:

Năm 2011, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã An Hưng, huyện AD, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 5 năm 2011. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn một thời gian thì chị Q trở lại Cộng hòa Séc để làm việc. Từ khi trở về Cộng hòa Séc cho đến nay, chị Q chỉ trở về Việt Nam thăm anh T và gia đình được 01 lần. Do khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ

chồng phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay, chị Q không có ý định trở về Việt Nam để đoàn tụ nữa. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên anh Phạm Văn T làm đơn xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày của chị Nguyễn Thị Q được hợp pháp hóa lãnh sự trình bày: Thống nhất với lời khai của anh Phạm Văn T về quan hệ hôn nhân, lý do mâu thuẫn. Chị Q nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị Q và anh Phạm Văn T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Q. Chị Nguyễn Thị Q hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2011 tại UBND xã An Hưng, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ở xa nhau quá lâu nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh T và chị Q mỗi người ở một nơi, chị Q hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc. Xét việc anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q cùng thuận tình yêu cầu ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q.

[5] Về con chung: Anh Phạm Văn T và Chị Nguyễn Thị Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0019179 ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; anh Phạm Văn T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã An Hưng, huyện AD, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy